

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐỘI 11 THÔN MẠN XUYỀN CÓ ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM TRONG PHẠM VI GPMB ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU PHỨC HỢP ĐÔ THỊ, DU LỊCH SINH THÁI, SÂN GÔN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN (Kèm theo Thông báo niêm yết số 4/L ngày 14 tháng 02 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất số 01)																							
STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
1	Đỗ Nho Sơn, Lê Thị Liên	1606						1.010,0	62,89%			80.800.000	242.400.000	0	323.200.000							200.440.000	523.640.000
			41	1869	BHK	Bãi Ngoài	254,7									Cây hoa lily	m²	500,0	200.000	100%	100.000.000		
			41	1870	BHK	Bãi Ngoài	125,3																
			41	1868	BHK	Bãi Ngoài	120,0																
			38	2054	LNQ	Diều Trong	450,0									Cây hoa lily	m²	450,0	200.000	100%	90.000.000		
			41	1884	BHK	Bãi Ngoài	12,6									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000		
			41	1885	BHK	Bãi Ngoài	47,4									2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000		
2	Đỗ Nho Sơn, Nguyễn Thị Ngôn	1290						808,0	62,64%			64.640.000	193.920.000	0	258.560.000							133.642.268	392.202.268
			41	1867	BHK	Bãi Ngoài	193,6									Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000		
			41	1868	BHK	Bãi Ngoài	206,4																
			38	2137	BHK	Diều Trong	4,1									1. Bưởi 12cm≤ĐK≤20cm	Cây	18,0					
			38	2144	BHK	Diều Trong	355,9									Trong mật độ	Cây	18,0	2.500.000	100%	45.000.000		
																2. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268		
			41	1872	BHK	Bãi Ngoài	48,0									1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
																2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		
3	Nguyễn Thị Tiệp đại diện cho ông Phạm Mai Khanh đã chết	973						801,0	82,32%	12	3	64.080.000	192.240.000	18.360.000	274.680.000							149.970.000	424.650.000
			41	1866	BHK	Bãi Ngoài	130,2									Cây hoa lily	m²	300,0	200.000	100%	60.000.000		
			41	1867	BHK	Bãi Ngoài	169,8																
			38	2191	BHK	Diều Trong	317,9									Nhân giống	m²	465,0	180.000	100%	83.700.000		
			38	2190	BHK	Diều Trong	147,1																
			41	1873	BHK	Bãi Ngoài	36,0									1. Nhân giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000		
																2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000		



STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
4	Nguyễn Mạnh Hội, Nguyễn Thị Nga	2037						1.779,0	87,33%	12	6	142.320.000	426.960.000	36.720.000	606.000.000								230.012.268	836.012.268
			41	1866	BHK	Bãi Ngoài	196,5									Cây hoa lily	m²	600	200.000	100%	120.000.000			
			41	1865	BHK	Bãi Ngoài	270,8																	
			41	1864	BHK	Bãi Ngoài	132,7																	
			38	2140	BHK	Diều Trong	219,2									1. Nhân giống	m²	540	180.000	100%	97.200.000			
			38	2139	BHK	Diều Trong	270,4																	
			38	2138	BHK	Diều Trong	50,4																	
																2. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268			
			41	1886	BHK	Bãi Ngoài	62,4									1. Nhân giống	m²	58,0	180.000	100%	10.440.000			
			41	1887	BHK	Bãi Ngoài	9,6									2. Quất giống	m²	14,0	150.000	100%	2.100.000			
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	473,6																	
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	18,4																	
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	75,0																	
5	Đỗ Đình Vương, Đỗ Thị Quý	1423						1.335,0	93,82%	12	5	106.800.000	320.400.000	30.600.000	457.800.000								200.712.268	658.512.268
			41	1864	BHK	Bãi Ngoài	175,9									Cây hoa lily	m²	500	200.000	100%	100.000.000			
			41	1863	BHK	Bãi Ngoài	324,1																	
			38	1921	LNQ	Diều Trong	444,1									1. Cây hoa lily	m²	450,0	200.000	100%	90.000.000			
			38	1920	LNQ	Diều Trong	5,9																	
																2. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268			
			41	1896	BHK	Bãi Ngoài	4,3									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000			
			41	1897	BHK	Bãi Ngoài	55,7									2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000			
			42	877	BHK	Lạch Trần Phú	135,9																	
			42	377	BHK	Lạch Trần Phú	189,1																	

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)		
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xã đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)			
6	Đỗ Gia Nam, Nguyễn Thị Hạnh	659						554,0	84,07%	12	4	44.320.000	132.960.000	24.480.000	201.760.000								109.450.000	311.210.000	
			41	1863	BHK	Bãi Ngoài	16,6																		
			41	1862	BHK	Bãi Ngoài	183,4										Cây hoa lily	m²	200,0	200.000	100%	40.000.000			
			38	2146	BHK	Điều Trong	51,6										1. Nhân ĐK>30 cm	Cây	17,0						
			38	2147	BHK	Điều Trong	276,5										Trong mật độ	Cây	13,0	4.500.000	100%	58.500.000			
			38	2192	BHK	Điều Trong	1,9										Vượt mật độ <=30%	Cây	3,0	4.500.000	50%	6.750.000			
																	Vượt mật độ >30%	Cây	1,0	4.500.000	0%	0			
			41	1880	BHK	Bãi Ngoài	24,0										1. Nhân giống	m²	20,0	180.000	100%	3.600.000			
														2. Quất giống	m²	4,0	150.000	100%	600.000						
7	Đỗ Thị Voi, Đỗ Viết Cường	1197						808,0	67,50%	6	4	64.640.000	193.920.000	12.240.000	270.800.000								146.870.000	417.670.000	
			41	1862	BHK	Bãi Ngoài	60,2																		
			41	1840	BHK	Bãi Ngoài	339,8											Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000		
			38	2047	BHK	Điều Trong	269,0										Nhân ĐG>30 cm	Cây	13,0						
			38	2048	BHK	Điều Trong	91,0										Trong mật độ	Cây	13,0	4.500.000	100%	58.500.000			
			41	1887	BHK	Bãi Ngoài	41,8										1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000			
			41	1888	BHK	Bãi Ngoài	6,2										2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000			
8	Đỗ Nho Xuyên, Nguyễn Thị Hồng	1288						448,0	34,78%			35.840.000	107.520.000	0	143.360.000								88.370.000	231.730.000	
			41	1840	BHK	Bãi Ngoài	225,4																		
			41	1841	BHK	Bãi Ngoài	174,6										Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000			
			41	1893	BHK	Bãi Ngoài	48										1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000			
														2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000						

3 T
TH
D
SO
UNG

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện thích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
9	Đỗ Nho Thắng, Đỗ Thị Ngoan	626						230,0	36,74%			18.400.000	55.200.000	0	73.600.000							45.220.000	118.820.000
			41	1841	BHK	Bãi Ngoài	107,3									Cây hoa lily	m²	200,0	200.000	100%	40.000.000		
			41	1842	BHK	Bãi Ngoài	92,7									1. Nhân giống	m²	24,0	180.000	100%	4.320.000		
			41	1893	BHK	Bãi Ngoài	30,0									2. Quất giống	m²	6,0	150.000	100%	900.000		
10	Nguyễn Mạnh Đàm, Đỗ Thị Loan	1860						1.023,0	55,00%	6	6	81.840.000	245.520.000	18.360.000	345.720.000							134.400.000	480.120.000
			41	1842	BHK	Bãi Ngoài	209,7																
			41	1843	BHK	Bãi Ngoài	357,6									Cây hoa lily	m²	600	200.000	100%	120.000.000		
			41	1844	BHK	Bãi Ngoài	32,7																
			41	1897	BHK	Bãi Ngoài	32,6									Cây hoa lily	m²	72	200.000	100%	14.400.000		
			41	1898	BHK	Bãi Ngoài	39,4																
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	169,8																
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	181,2																
11	Đỗ Đình Tỏ, Nguyễn Thị Sọc	1031						706,0	68,48%	6	4	56.480.000	169.440.000	12.240.000	238.160.000							139.640.000	377.800.000
			41	1844	BHK	Bãi Ngoài	259,0									Cây hoa lily	m²	376	200.000	100%	75.200.000		
			41	1845	BHK	Bãi Ngoài	117,0																
			41	1876	BHK	Bãi Ngoài	15,8									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000		
			41	1877	BHK	Bãi Ngoài	44,2									2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000		
			38	1910	BHK	Diều Trong	270,0									Cây hoa lily	m²	270,0	200.000	100%	54.000.000		

[illegible]

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
15	Đỗ Đức Dung, Đỗ Thị Báu	1519						1.219,1	80,26%	12	6	97.528.000	292.584.000	36.720.000	426.832.000							202.710.000	629.542.000
			41	1846	BHK	Bãi Ngoài	331,1																
			41	1847	BHK	Bãi Ngoài	138,9									Nhãn giống	m²	470	180.000	100%	84.600.000		
			38	1922	LNQ	Điều Trong	423,2																
			38	1921	LNQ	Điều Trong	8,8									Cây hoa lily	m²	432,0	200.000	100%	86.400.000		
			41	1881	BHK	Bãi Ngoài	28,5									1. Nhãn giống	m²	45,0	180.000	100%	8.100.000		
			41	1882	BHK	Bãi Ngoài	27,5									2. Quất giống	m²	11,0	150.000	100%	1.650.000		
			43	491	LNQ	Lạch Trần Phú	122,0									Nhãn giống	m²	122,0	180.000	100%	21.960.000		
			43	492	TSN	Lạch Trần Phú	139,1																
16	Nguyễn Nhâm Chiến, Nguyễn Thị Hằng	1014						632,0	62,33%	6	7	50.560.000	151.680.000	21.420.000	223.660.000							125.470.000	349.130.000
			41	1847	BHK	Bãi Ngoài	300,0									Cây hoa lily	m²	300,0	200.000	100%	60.000.000		
			38	2145	BHK	Điều Trong	253,4																
			38	2146	BHK	Điều Trong	42,6									Cây hoa lily	m²	296,0	200.000	100%	59.200.000		
			41	1871	BHK	Bãi Ngoài	36,0									1. Nhãn giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000		
													2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000					
17	Vũ Thị Châm đại diện cho ông Nguyễn Nhâm Úc đã chết	1316						808,0	61,40%	6	3	64.640.000	193.920.000	9.180.000	267.740.000							148.045.000	415.785.000
			41	1847	BHK	Bãi Ngoài	137,1																
			41	1744	BHK	Bãi Ngoài	262,9									Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000		
			38	2138	BHK	Điều Trong	315,6									Nhãn đường kính góc 20cm ≤ ĐK<30cm	cây	17,0					
			38	2137	BHK	Điều Trong	44,4									Trong mật độ	cây	14,0	3.850.000	100%	53.900.000		
															Vượt mật độ <= 30%	cây	3,0	3.850.000	50%	5.775.000			
			41	1893	BHK	Bãi Ngoài	1,0									1. Nhãn giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
41	1894	BHK	Bãi Ngoài	47,0									2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000					

[illegible]

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
20	Lê Văn Thá, Đỗ Thị Nây	2120						1.763,0	83,16%	12	6	141.040.000	423.120.000	36.720.000	600.880.000							252.510.000	853.390.000
			41	1747	BHK	Bãi Ngoài	155,0									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	462,0	200.000	100%	92.400.000		
			41	1748	BHK	Bãi Ngoài	257,6																
			41	1749	BHK	Bãi Ngoài	247,4									2. Đào 3<ĐK gốc ≤4cm, H ≤1,5m (trồng chính)	Cây	198,0					
																Trong mật độ	Cây	132,0	200.000	100%	26.400.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	19,0	200.000	30%	1.140.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	47,0	200.000	0%	0		
			38	2038	BHK	Điều Trong	594,0									Cây hoa lily	m²	594,0	200.000	100%	118.800.000		
			41	1880	BHK	Bãi Ngoài	40,1									1. Nhãn giống	m²	64,0	180.000	100%	11.520.000		
			41	1881	BHK	Bãi Ngoài	38,9									2. Quất giống	m²	15,0	150.000	100%	2.250.000		
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	196,2																
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	232,8																
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	1,0																
21	Đỗ Nho Tướng đại diện cho ông Đỗ Nho Thìn và bà Đỗ Thị Nền đã chết	937						642,0	68,52%	6	4	51.360.000	154.080.000	12.240.000	217.680.000							106.695.000	324.375.000
			41	1749	BHK	Bãi Ngoài	130,8									Cây hoa lily	m²	300	200.000	100%	60.000.000		
			41	1750	BHK	Bãi Ngoài	169,2									Nhãn 20cm≤ĐK≤30cm	Cây	11,0					
			38	2049	BHK	Điều Trong	270									Trong mật độ	Cây	10,0	3.850.000	100%	38.500.000		
																Vượt mật độ <=30%	Cây	1,0	3.850.000	50%	1.925.000		
																1. Nhãn giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000		
			41	1889	BHK	Lạch Trần Phú	36									2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)	
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
22	Nguyễn Thị Hương đại diện cho ông Đỗ Nho Triển đã chết	987						820,6	83,14%	12	5	65.648.000	196.944.000	30.600.000	293.192.000								126.896.268	420.088.268
			41	1750	BHK	Bãi Ngoài	288,5																	
			41	1751	BHK	Bãi Ngoài	11,5									Cây hoa lily	m²	300	200.000	100%	60.000.000			
			38	1909	BHK	Diều Trong	270									1. Nhân giống	m²	270,0	180.000	100%	48.600.000			
																2. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268			
			41	1877	BHK	Bãi Ngoài	1,8									1. Nhân giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000			
			41	1878	BHK	Bãi Ngoài	34,2									2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000			
			43	491	LNQ	Lạch Trần Phú	65,3									Nhãn giống	m²	65,3	180.000	100%	11.754.000			
43	492	TSN	Lạch Trần Phú	149,3																				
23	Nguyễn Mạnh Hũ, Nguyễn Thị Bảy	1290						808,0	62,64%			64.640.000	193.920.000	0	258.560.000								148.774.268	407.334.268
			41	1751	BHK	Bãi Ngoài	400,0									Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000			
			38	2190	BHK	Diều Trong	128,9									1. Nhân giống	m²	360,0	180.000	100%	64.800.000			
			38	2189	BHK	Diều Trong	231,1									2. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268			
			41	1896	BHK	Bãi Ngoài	48									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	33,0	180.000	30%	1.782.000			
																2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H ≤1,5m (trồng chính)	Cây	14,0						
																Trong mật độ	Cây	9,0	200.000	100%	1.800.000			
																Vượt mật độ 30%	Cây	2,0	200.000	30%	120.000			
													Vượt mật độ >30%	Cây	4,0	200.000	0%	0						

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
24	Vũ Thị Thịnh đại diện cho ông Đỗ Nho Thọ và bà Nguyễn Thị Ba đã chết	642						549,0	85,51%	12	0	43.920.000	131.760.000	0	175.680.000							80.200.000	255.880.000	
			41	1751	BHK	Bãi Ngoài	200,0								Cây hoa lily	m²	200,0	200.000	100%	40.000.000				
			38	2040	BHK	Diều Trong	180,0								Cây hoa lily	m²	180,0	200.000	100%	36.000.000				
			41	1899	BHK	Bãi Ngoài	24							1. Nhãn giống	m²	20,0	180.000	100%	3.600.000					
														2. Quất giống	m²	4,0	150.000	100%	600.000					
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	51,2																	
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	78,8																	
43	448	TSN	Lạch Trần Phú	15,0																				
25	Vũ Thị Thịnh đại diện cho ông Đỗ Nho Ngọc đã chết	2251						1.824,7	81,06%	12	6	145.976.000	437.928.000	36.720.000	620.624.000							195.130.000	815.754.000	
			41	1751	BHK	Bãi Ngoài	164,7								1. Nhãn giống	m²	490,0	180.000	30%	26.460.000				
			41	1752	BHK	Bãi Ngoài	535,3								2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H ≤1,5m (trồng chính)	Cây	210,0							
															Trong mật độ	Cây	140,0	200.000	100%	28.000.000				
															Vượt mật độ 30%	Cây	21,0	200.000	30%	1.260.000				
															Vượt mật độ >30%	Cây	49,0	200.000	0%	0				
			38	2038	BHK	Diều Trong	397,3									Cây hoa lily	m²	630	200.000	100%	126.000.000			
			41	1895	BHK	Bãi Ngoài	48,0									1. Nhãn giống	m²	62,0	180.000	100%	11.160.000			
			41	1896	BHK	Bãi Ngoài	29,0									2. Quất giống	m²	15,0	150.000	100%	2.250.000			
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	139,9																	
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	277,8																	
26	Nguyễn Nhâm Chức, Nguyễn Nhâm Tuấn (đã chết), Nguyễn Thị Lộc (đã chết)	1546						528,0	34,15%	6	3	42.240.000	126.720.000	9.180.000	178.140.000							104.110.000	282.250.000	
			41	1752	BHK	Bãi Ngoài	131,5								Cây hoa lily	m²	470	200.000	100%	94.000.000				
			41	1753	BHK	Bãi Ngoài	338,5																	
			41	1894	BHK	Bãi Ngoài	24,5									1. Nhãn giống	m²	47,0	180.000	100%	8.460.000			
			41	1895	BHK	Bãi Ngoài	33,5									2. Quất giống	m²	11,0	150.000	100%	1.650.000			



[illegible]

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn định sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
28	Nguyễn Mạnh Vực, Đỗ Thị Hạnh	1610						1.288,5	80,03%	12	5	103.080.000	309.240.000	30.600.000	442.920.000							183.737.268	626.657.268	
			41	1796	BHK	Bãi Ngoài	117,1								1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	300	200.000	100%	60.000.000				
			41	1795	BHK	Bãi Ngoài	368,7																	
			41	1794	BHK	Bãi Ngoài	14,2								2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	150							
															Trong mật độ	Cây	100,0	350.000	100%	35.000.000				
															Vượt mật độ 30%	Cây	15,0	350.000	30%	1.575.000				
																Vượt mật độ >30%	Cây	35,0	350.000	0%	0			
			38	1918	BHK	Điều Trong	450,0									1. Nhân: ĐK>30 cm	Cây	11,0						
																Trong mật độ	Cây	11,0	4.500.000	100%	49.500.000			
																2. Nhân ĐKG 20cm ≤ Đk gốc <30cm	Cây	7,0						
																Trong mật độ	Cây	7,0	3.850.000	100%	26.950.000			
																3. Giếng khoan	m	30,0	90.756	10%	272.268			
			41	1872	BHK	Bãi Ngoài	42,9									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000			
			41	1873	BHK	Bãi Ngoài	17,1									2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000			
43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	112,5																				
43	448	TSN	Lạch Trần Phú	166,0																				
29	Nguyễn Văn Hoạt, Nguyễn Thị Hoa	1290						1.030,0	79,84%	12	4	82.400.000	247.200.000	24.480.000	354.080.000							176.351.000	530.431.000	
			41	1794	BHK	Bãi Ngoài	400,0								Cây hoa lily	m²	400,0	200.000	100%	80.000.000				
			38	2043	BHK	Điều Trong	17,3								1. Nhân: ĐK>30 cm	Cây	15,0							
			38	2042	BHK	Điều Trong	342,7								Trong mật độ	Cây	14,0	4.500.000	100%	63.000.000				
															Vượt mật độ <=30%	Cây	1,0	4.500.000	50%	2.250.000				
															2. Nhân ĐKG 20cm ≤ Đk gốc <30cm	Cây	5,0							
															Vượt mật độ <=30%	Cây	3,0	3.850.000	50%	5.775.000				
															Vượt mật độ >30%	Cây	2,0	3.850.000	0%	0				
			41	1871	BHK	Bãi Ngoài	48								1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000				
															2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000				
			43	491	LNQ	Lạch Trần Phú	94,2									Nhân giống	m²	94,2	180.000	100%	16.956.000			
			43	492	TSN	Lạch Trần Phú	127,8																	

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)	
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xã đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)		
30	Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Thị Chung	1606						1.313,5	81,79%	12	5	105.080.000	315.240.000	30.600.000	450.920.000							195.440.000	646.360.000	
			41	1794	BHK	Bãi Ngoài	260,3									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	300	200.000	100%	60.000.000			
			41	1837	BHK	Bãi Ngoài	239,7									2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	100						
																Trong mật độ	Cây	100	350.000	100%	35.000.000			
			38	1920	LNQ	Diều Trong	450,0									Cây hoa lily	m²	450,0	200.000	100%	90.000.000			
			41	1879	BHK	Bãi Ngoài	60,0									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000			
																2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000			
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	109,7																	
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	193,8																	
			31	Đỗ Quang Cát, Lê Thị Thêm	998						606,0	60,72%			48.480.000	145.440.000	0	193.920.000						
41	1798	BHK				Bãi Ngoài	180,3									1. Nhân giống (trồng xen dưới tán cây Đào)	m²	210,0	180.000	30%	11.340.000			
41	1799	BHK				Bãi Ngoài	119,7									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	90,0						
																Trong mật độ	Cây	60,0	200.000	100%	12.000.000			
																Vượt mật độ 30%	Cây	9,0	200.000	30%	540.000			
																Vượt mật độ >30%	Cây	21,0	200.000	0%	0			
38	2141	BHK				Diều Trong	270									Nhân ĐK 20cm ≤ Đk gốc <30cm	cây	10,0	3.850.000	100%	38.500.000			
																Vượt mật độ <=30%	cây	1,0	3.850.000	50%	1.925.000			
41	1887	BHK				Bãi Ngoài	36,0									1. Nhân giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000			
																2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000			
32	Nguyễn Mạnh Bình, Đỗ Thị Chính	1322						448,0	33,89%	6	3	35.840.000	107.520.000	9.180.000	152.540.000							40.210.000	192.750.000	
			41	1801	BHK	Bãi Ngoài	155,9									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	280	180.000	30%	15.120.000			
			41	1792	BHK	Bãi Ngoài	227,4									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	120,0	200.000					
																Trong mật độ	Cây	80,0	200.000	100%	16.000.000			
																Vượt mật độ 30%	Cây	12,0	200.000	30%	720.000			
																Vượt mật độ >30%	Cây	28,0	200.000	0%	0			
			41	1888	BHK	Bãi Ngoài	43,3									1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000			
			41	1889	BHK	Bãi Ngoài	4,7										2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		

[illegible]

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng								Tổng kinh phí (đồng)	
			Từ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)			
35	Đỗ Nho Thước, Ngô Thị Ánh	2037						1.212,0	59,50%	6		96.960.000	290.880.000	0	387.840.000							247.170.000	635.010.000		
			41	1754	BHK	Bãi Ngoài	408,4								1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	420	200.000	100%	84.000.000					
			41	1755	BHK	Bãi Ngoài	191,6								2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	140								
															Trong mật độ	Cây	120	350.000	100%	42.000.000					
																Vượt mật độ 30%	Cây	6	350.000	30%	630.000				
																Vượt mật độ >30%	Cây	14	350.000	0%	0				
			38	1919	BHK	Diều Trong	4,0																		
			38	2044	BHK	Diều Trong	536,0										Cây hoa lily	m²	540	200.000	100%	108.000.000			
			41	1899	BHK	Bãi Ngoài	22,7										1. Nhân giống	m²	58,0	180.000	100%	10.440.000			
			41	1900	BHK	Bãi Ngoài	49,3										2. Quất giống	m²	14,0	150.000	100%	2.100.000			
36	Vũ Xuân Đình, Vũ Thị Liên	1713						1.010,0	58,96%	6	6	80.800.000	242.400.000	18.360.000	341.560.000							182.340.000	523.900.000		
			41	1755	BHK	Bãi Ngoài	98,7									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	350,0	200.000	100%	70.000.000				
			41	1756	BHK	Bãi Ngoài	401,3									2. Đào 3<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	150,0							
																Trong mật độ	Cây	100,0	200.000	100%	20.000.000				
																	Vượt mật độ 30%	Cây	15,0	200.000	30%	900.000			
																	Vượt mật độ >30%	Cây	35,0	200.000	0%	0			
			38	1924	BHK	Diều Trong	300,5																		
			38	1923	LNQ	Diều Trong	113,9											Nhân giống	m²	450	180.000	100%	81.000.000		
			38	1922	LNQ	Diều Trong	35,6																		
			41	1875	BHK	Bãi Ngoài	30,2											1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000		
41	1876	BHK	Bãi Ngoài	29,8											2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000					

SECRET
-
37
TF
D
C
JN
★

STT	Họ và tên chủ SDĐ hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
37	Đỗ Nho Côi,Lê Thị Thanh	1819						1.482,2	81,48%	12	6	118.576.000	355.728.000	36.720.000	511.024.000							157.046.000	668.070.000
			41	1756	BHK	Bãi Ngoài	96,9								1. Nhãn giống (trồng xen)	m²	392,0	180.000	30%	21.168.000			
			41	1789	BHK	Bãi Ngoài	463,1								2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	168,0						
															Trong mật độ	Cây	112,0	200.000	100%	22.400.000			
																Vượt mật độ 30%	Cây	16,8	200.000	30%	1.008.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	39,2	200.000	0%	0		
			38	2136	LNQ	Điều Trong	504,0									Hoa lily	m²	504,0	200.000	100%	100.800.000		
			41	1882	BHK	Bãi Ngoài	67									1. Nhãn giống	m²	54,0	180.000	100%	9.720.000		
																2. Quất giống	m²	13,0	150.000	100%	1.950.000		
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	126,0																
43	448	TSN	Lạch Trần Phú	225,2																			
38	Đỗ Thị Hăm	1129						808,0	71,57%	12	4	64.640.000	193.920.000	24.480.000	283.040.000							153.090.000	436.130.000
			41	1789	BHK	Bãi Ngoài	245,0								1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	280	200.000	100%	56.000.000			
			41	1788	BHK	Bãi Ngoài	155,0								2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	120,0						
															Trong mật độ	Cây	80,0	200.000	100%	16.000.000			
																Vượt mật độ 30%	Cây	12,0	200.000	30%	720.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	28,0	200.000	0%	0		
			38	2053	LNQ	Điều Trong	360,0									Hoa lily	m²	360,0	200.000	100%	72.000.000		
			41	1874	BHK	Bãi Ngoài	48,0									1. Nhãn giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
																2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Từ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/lkg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
39	Đỗ Văn Việt, Đỗ Thị Xuân	1316						1.094,0	83,13%	12	4	87.520.000	262.560.000	24.480.000	374.560.000							153.090.000	527.650.000
			41	1788	BHK	Bãi Ngoài	302,8									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	280	200.000	100%	56.000.000		
			41	1803	BHK	Bãi Ngoài	97,2									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	120					
																Trong mật độ	Cây	80,0	200.000	100%	16.000.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	12,0	200.000	30%	720.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	28,0	200.001	0%	0		
			38	1808	BHK	Điều Trong	354,5									Hoa lily	m²	360	200.000	100%	72.000.000		
			38	1807	BHK	Điều Trong	5,5																
			41	1891	BHK	Bãi Ngoài	15,3									1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
			41	1892	BHK	Bãi Ngoài	32,7									2. Quýt giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		
			42	877	BHK	Lạch Trần Phú	66,2																
			42	377	BHK	Lạch Trần Phú	219,8																
40	Đỗ Nho Út đại diện cho bà Đỗ Thị Loan đã chết	1510						1.234,0	81,72%	12	4	98.720.000	296.160.000	24.480.000	419.360.000							124.916.000	544.276.000
			41	1803	BHK	Bãi Ngoài	470									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	329,0	180.000	30%	17.766.000		
																2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	141,0					
																Trong mật độ	Cây	94,0	200.000	100%	18.800.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	14,0	200.000	30%	840.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	33,0	200.000	0%	0		
			38	1920	LNQ	Điều Trong	1,1									Nhân giống	m²	432	180.000	100%	77.760.000		
			38	1907	BHK	Điều Trong	415,0																
			38	1908	BHK	Điều Trong	6,9																
			41	1883	BHK	Bãi Ngoài	15,8									1. Nhân giống	m²	15,8	180.000	100%	2.844.000		
			43	447	LNQ	Lạch Trần Phú	100,5																
			43	448	TSN	Lạch Trần Phú	184,5																
			41	1884	BHK	Bãi Ngoài	40,2									1. Nhân giống	m²	29,2	180.000	100%	5.256.000		
																2. Quýt giống	m²	11,0	150.000	100%	1.650.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
41	Nguyễn Văn Hồng, Bùi Thị Lan	1740						672,0	38,62%	0	5	53.760.000	161.280.000	0	215.040.000							134.400.000	349.440.000
			41	1803	BHK	Bãi Ngoài	235,4								1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	420	200.000	100%	84.000.000			
			41	1802	BHK	Bãi Ngoài	364,6								2. Đào: ĐK gốc≥ 10 cm H >2 (trồng chính)	Cây	60						
															Trong mật độ	Cây	60	400.000	100%	24.000.000			
															2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	60						
															Trong mật độ	Cây	60	200.000	100%	12.000.000			
			41	1898	BHK	Bãi Ngoài	33,7																
			41	1899	BHK	Bãi Ngoài	38,3									Hoa lily	m²	72	200.000	100%	14.400.000		
42	Đặng Thị Tịnh đại diện cho ông Đỗ Đình Hóa đã chết	1414						808,0	57,14%	6	4	64.640.000	193.920.000	12.240.000	270.800.000							112.210.000	383.010.000
			41	1802	BHK	Bãi Ngoài	238,6									1. Nhãn giống (trồng xen)	m²	280,0	180.000	30%	15.120.000		
			41	1833	BHK	Bãi Ngoài	161,4									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	120,0					
															Trong mật độ	Cây	80,0	200.000	100%	16.000.000			
															Vượt mật độ 30%	Cây	12,0	200.000	30%	720.000			
															Vượt mật độ >30%	Cây	28,0	200.000	0%	0			
			38	1910	BHK	Diều Trong	10,0																
			38	1810	BHK	Diều Trong	350,0									Cây hoa lily	m²	360	200.000	100%	72.000.000		
			41	1871	BHK	Bãi Ngoài	25,4									1. Nhãn giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
			41	1872	BHK	Bãi Ngoài	22,6									2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xã đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn định sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
43	Đỗ Viết Long, Đỗ Thị Hà	620						404,0	65,16%	6	2	32.320.000	96.960.000	6.120.000	135.400.000							56.120.000	191.520.000
			41	1833	BHK	Bãi Ngoài	126,3									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	140,0	180.000	30%	7.560.000		
			41	1834	BHK	Bãi Ngoài	73,7									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	60,0					
																Trong mật độ	Cây	40,0	200.000	100%	8.000.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	6,0	200.000	30%	360.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	14,0	200.000	0%	0		
			38	2048	BHK	Diều Trong	180									Nhân ĐKG>30cm	Cây	10,0					
																Trong mật độ	Cây	7,0	4.500.000	100%	31.500.000		
																Vượt mật độ <30	Cây	2,0	4.500.000	50%	4.500.000		
																Vượt mật độ ≥30%	Cây	1,0	4.500.000	0%	0		
			41	1888	BHK	Bãi Ngoài	24									1. Nhân giống	m²	20,0	180.000	100%	3.600.000		
																2. Quất giống	m²	4,0	150.000	100%	600.000		
44	Đỗ Viết Công, Đỗ Thị Quý	1288						448,0	34,78%			35.840.000	107.520.000	0	143.360.000							93.630.000	236.990.000
			41	1834	BHK	Bãi Ngoài	152,3									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	280	200.000	100%	56.000.000		
			41	1835	BHK	Bãi Ngoài	236,1																
			41	1836	BHK	Bãi Ngoài	11,6									2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	120,0					
																Trong mật độ	Cây	80,0	350.000	100%	28.000.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	12,0	350.000	30%	1.260.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	28,0	350.000	0%	0		
			41	1885	BHK	Bãi Ngoài	33,2									1. Nhân giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
			41	1886	BHK	Bãi Ngoài	14,8									2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		

STT	Họ và tên chủ SDĐ hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số thửa hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BD	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn đời sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
45	Nguyễn Thị Hòa, Đỗ Nho Phong	887						642,0	72,38%	12	4	51.360.000	154.080.000	24.480.000	229.920.000							91.350.000	321.270.000
			41	1.836	BHK	Bãi Ngoài	300									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	210,0	180.000	30%	11.340.000		
																2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	90,0					
																Trong mật độ	Cây	60,0	200.000	100%	12.000.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	9,0	200.000	30%	540.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	21,0	200.000	0%	0		
			38	2192	BHK	Điều Trong	274,7									Cây hoa lily	m²	306	200.000	100%	61.200.000		
			38	2191	BHK	Điều Trong	31,3																
			41	1873	BHK	Bãi Ngoài	36									1. Nhân giống	m²	29,0	180.000	100%	5.220.000		
																2. Quất giống	m²	7,0	150.000	100%	1.050.000		
46	Đỗ Thị Thêm đại diện cho ông Đỗ Đình Thành đã chết	1617						1.010,0	62,46%			80.800.000	242.400.000	0	323.200.000							134.638.898	457.838.898
			41	1939	BHK	Bãi Ngoài	389,4									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	450,0	180.000	30%	24.300.000		
			41	1940	BHK	Bãi Ngoài	110,6									2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	50,0					
																Trong mật độ		50,0	350.000	100%	17.500.000		
			38	2052	LNQ	Điều Trong	450									1. Nhân giống	m²	450,0	180.000	100%	81.000.000		
																Tường xây gạch chỉ, dày ≤11cm , cao ≤ 6m, vữa XM M50	m²	6,2	2.218.558	10%	1.366.632		
																Bê tông cột bê tông M200 (0,11*0,11*2)	m³	0,1	3.226.656	10%	32.267		
			41	1882	BHK	Bãi Ngoài	3,0									1. Nhân giống	m²	48,0	180.000	100%	8.640.000		
			41	1883	BHK	Bãi Ngoài	57,0									2. Quất giống	m²	12,0	150.000	100%	1.800.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐBC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn định sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
47	Đỗ Nho Tinh, Nguyễn Thị Múa	1288						808,0	62,73%	6	4	64.640.000	193.920.000	12.240.000	270.800.000							116.640.000	387.440.000
			41	1940	BHK	Bãi Ngoài	350,2									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	280	200.000	100%	56.000.000		
			41	1941	BHK	Bãi Ngoài	49,8									2. Đào 3cm<ĐK gốc ≤4cm, H <1,5 m (trồng chính)	Cây	120					
																Trong mật độ	Cây	80	200.000	100%	16.000.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	12	200.000	30%	720.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	28	200.000	0%	0		
			38	2142	BHK	Điều Trong	281,3									1. Nhãn: 20cm ≤ Đk gốc <30cm	Cây	9,0					
			38	2049	BHK	Điều Trong	0,5									Trong mật độ	Cây	9,0	3.850.000	100%	34.650.000		
			38	2141	BHK	Điều Trong	78,2									2. khóm Chuối không có buồng	Khóm	20,0					
																Trong mật độ	Khóm	20,0	150.000	30%	900.000		
			41	1889	BHK	Bãi Ngoài	39,1									1. Nhãn giống	m²	39,0	180.000	100%	7.020.000		
			41	1890	BHK	Bãi Ngoài	8,9									2. Quất giống	m²	9,0	150.000	100%	1.350.000		
48	Đỗ Thị Mực	2288						1.414,0	61,80%	0	7	113.120.000	339.360.000	0	452.480.000							266.640.000	719.120.000
			41	1941	BHK	Bãi Ngoài	454,8									Nhãn giống	m²	700,0	180.000	100%	126.000.000		
			41	1942	BHK	Bãi Ngoài	245,2																
			38	1908	BHK	Điều Trong	628,5									Cây hoa lily	m²	630,0	200.000	100%	126.000.000		
			38	1909	BHK	Điều Trong	1,5																
			41	1873	BHK	Bãi Ngoài	22,5									1. Nhãn giống	m²	68,0	180.000	100%	12.240.000		
			41	1874	BHK	Bãi Ngoài	61,5									2. Quất giống	m²	16,0	150.000	100%	2.400.000		

STT	Họ và tên chủ SDD hoặc người đại diện hợp pháp	Tổng diện tích đang sử dụng (m²)	Thông tin thửa đất thu hồi (BĐDC)				diện tích theo trích lục (m²)	Tổng diện tích thu hồi (m²)	Tỷ lệ % thu hồi	Số tháng hỗ trợ	Số nhân khẩu hỗ trợ gạo	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng							Tổng kinh phí (đồng)
			Tờ BĐ	Số Thửa	Loại Đất	xứ đồng						Kinh phí bồi thường về đất (80.000đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề (3x80.000 đồng/m²)	Kinh phí hỗ trợ ổn định sống (17.000đ/1kg)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Tên cây trồng, hoa màu, công trình, vật kiến trúc bị ảnh hưởng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính (%)	Thành tiền (đồng)	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, hoa màu, công trình (đồng)	
49	Đỗ Văn Tuấn, Đỗ Thị Bốn	2045						1.712,2	83,73%	12	7	136.976.000	410.928.000	42.840.000	590.744.000							224.466.000	815.210.000
			41	1942	BHK	Bãi Ngoài	325,9									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	630,0	180.000	30%	34.020.000		
			41	1943	BHK	Bãi Ngoài	374,1									2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	70,0					
																Trong mật độ	Cây	70,0	350.000	100%	24.500.000		
			38	2041	BHK	Diều Trong	630									1. Nhân: Đk gốc ≥30cm	Cây	30,0					
																Trong mật độ	Cây	25,0	4.500.000	100%	112.500.000		
																Vượt mật độ <=30%	Cây	5,0	4.500.000	50%	11.250.000		
																2. Nhân: 20cm ≤ Đk gốc ≤30cm	Cây	9,0					
																Vượt mật độ <=30%	Cây	2,0	3.850.000	50%	3.850.000		
																Vượt mật độ >30%	Cây	7,0	3.850.000	0%	0		
			41	1890	BHK	Bãi Ngoài	15,8									1. Nhân giống	m²	68,0	180.000	100%	12.240.000		
			41	1891	BHK	Bãi Ngoài	68,2									2. Quất giống	m²	16,0	150.000	100%	2.400.000		
			43	491	LNQ	Lạch Trần Phú	131,7									Nhân giống	m²	131,7	180.000	100%	23.706.000		
			43	492	TSN	Lạch Trần Phú	166,5																
50	Đỗ Văn Tuấn đại diện cho ông Đỗ Văn Cẩm và bà Đặng Thị Cua đã chết	662						252,0	38,07%	6	0	20.160.000	60.480.000	0	80.640.000							23.498.000	104.138.000
			41	1943	BHK	Bãi Ngoài	187,3									1. Nhân giống (trồng xen)	m²	202,0	180.000	30%	10.908.000		
			41	1944	BHK	Bãi Ngoài	36,7									2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	22,0					
																Trong mật độ	Cây	22,0	350.000	100%	7.700.000		
			41	1881	BHK	Bãi Ngoài	28,0									1. Nhân giống	m²	23,0	180.000	100%	4.140.000		
																2. Quất giống	m²	5,0	150.000	100%	750.000		
51	Đỗ Viết Công đại diện cho ông Đỗ Viết Cường và bà Đỗ Thị Hiền đã chết							224,0	38,36%	6	0	17.920.000	53.760.000	0	71.680.000							47.780.000	119.460.000
		584	41	1838	BHK	Bãi Ngoài	224									1. Cây hoa lily (trồng dưới tán cây Đào)	m²	157,0	200.000	100%	31.400.000		
																2. Đào 5cm<ĐK gốc ≤10cm, H >2 m (trồng chính)	Cây	67,0					
																Trong mật độ	Cây	45,0	350.000	100%	15.750.000		
																Vượt mật độ 30%	Cây	6,0	350.000	30%	630.000		